TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 205/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2018
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.
Các hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Văn Sơn.
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tơ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2017/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2018/QĐST –HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1996, địa chỉ: 55/2 ấp ANA, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Hoàng S, sinh năm: 1995, địa chỉ: 212/1 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Năm 2015 chị và anh Nguyễn Hoàng S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã AT, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/3/2016. Trong thời gian sống chung anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 27/4/2016 hiện nay con chung đang sống chung với chị. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh S là do trong thời gian chung sống anh S có tính ham chơi không lo làm ăn, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi. Trong năm 2016 anh S có quan hệ tình cảm với người khác khi bị phát hiện do bị hại là người chưa thành niên nên anh S bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử 01 năm 06 tháng tù về tội giao cấu với trẻ em, đồng thời gia đình cha mẹ anh S phải bồi thường cho bị hại 53.000.000 đồng. Sau khi ra tù tính tình anh S không thay đổi và có hành vi gây gỗ, đe dọa

đánh đập chị. Do đó anh, chị bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi nhau cuộc sống không hạnh phúc. Nhận thấy chị và anh S có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 27/4/2016; chị yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Hoàng S đã được Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: trong thời gian chung sống chị T, anh S đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81,82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Hoàng S có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 212/1 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng anh Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S.

[3] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/3/2016. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh S được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh S là do anh S có tính ham chơi không lo làm ăn,

chị đã nhều lần khuyên ngăn nhưng anh S không thay đổi. Xét thấy: chị T, anh S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ năm 2016 cho đến nay, anh S biết rõ chị T có yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp. Do chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng S có con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 27/4/2016. Xét thấy: từ khi chị T và anh S không còn sống chung con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Lẽ đó, việc chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là cần thiết để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu hằng ngày cho cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo. Đồng thời mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là phù hợp với mức thu nhập trung bình tại địa phương. Do đó cần buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

[6] Về tài sản chung: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Nguyễn Thị Kim T, anh Nguyễn Hoàng S phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T. Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S. Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng S không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 27/4/2016.

Buộc anh Nguyễn Hoàng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 27/4/2016 mỗi tháng 650.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng lần đầu được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Hoàng S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Hoàng S có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012233 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng S phải nộp 300.000 đồng.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yê cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thhi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã An Thạnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân
Chuû toaï phieân toaø

Thaåm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ